

HOÀN THIỆN QUẢN LÝ THUẾ ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TẠI TỈNH LUANGPRABANG, CHDCND LÀO: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP ĐẾN NĂM 2030

Ths. Soutphadaphone Vongpadith*

Bài viết phân tích thực trạng quản lý thuế (QLT) đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) tại Cục Thuế tỉnh Luangprabang, nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, giai đoạn 2020-2024. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất một hệ thống giải pháp đồng bộ nhằm hoàn thiện công tác QLT đối với DNNVV tại tỉnh Luangprabang đến năm 2030, tầm nhìn 2035. Bài viết cũng đưa ra một số kiến nghị đối với Chính phủ, Bộ Tài chính và Ủy ban nhân dân tỉnh Luangprabang nhằm tạo môi trường thể chế thuận lợi cho việc thực hiện các giải pháp.

• Từ khóa: quản lý thuế, doanh nghiệp nhỏ và vừa, giải pháp, Luangprabang, Lào.

This article analyzes the current state of tax administration (TA) for Small and Medium-sized Enterprises (SMEs) at the Luangprabang Provincial Tax Department, Lao People's Democratic Republic, during the 2020-2024 period. Based on this analysis, the article proposes a synchronous system of solutions aimed at improving the TA for SMEs in Luangprabang province up to 2030, with a vision to 2035. The article also puts forth a number of recommendations to the Government, the Ministry of Finance, and the Luangprabang Provincial People's Committee to create a favorable institutional environment for the implementation of these solutions.

• Key words: tax administration, small and medium-sized enterprises, solutions, Luangprabang, Laos.

Ngày nhận bài: 10/6/2025

Ngày gửi phản biện: 20/6/2025

Ngày duyệt đăng: 15/9/2025

DOI: <https://doi.org/10.71374/jfar.v25.i299.24>

1. Đặt vấn đề

DNNVV đóng vai trò hết sức quan trọng trong nền kinh tế tỉnh Luangprabang. Tính đến cuối năm 2024, toàn tỉnh có 2.927 doanh nghiệp đăng ký hoạt động, trong đó DNNVV chiếm tỷ lệ áp đảo (91,05% với 2.665 doanh nghiệp) và có tốc độ tăng trưởng số lượng bình quân 5,5%/năm giai đoạn 2020-2024. Đây vừa là nguồn thu quan trọng cho ngân sách địa phương, vừa là khu vực tiềm ẩn nhiều thách thức cho công tác QLT. Việc hoàn thiện QLT đối với DNNVV không chỉ nhằm tăng cường kỷ cương, nâng cao hiệu quả thu ngân sách mà còn góp phần hỗ trợ, thúc đẩy sự phát triển lành mạnh và bền vững của khu vực kinh tế quan trọng này.

2. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý luận

Bài viết dựa trên hai góc tiếp cận chính về quản lý thuế (QLT) đối với DNNVV.

Thứ nhất, theo Luật Quản lý Thuế số 35/2020/QH9 của Lào và quan điểm Lê Xuân Trường (2020), QLT được xem xét qua chuỗi thủ tục thuế và chức năng quản lý của cơ quan thuế, làm khung phân tích thực trạng tại tỉnh Luangprabang.

Thứ hai, vận dụng mô hình quản lý thuế hiện đại của OECD (2021) gồm ba trụ cột: dịch vụ - rủi ro - chuyển đổi số, kết hợp lý thuyết hành vi tuân thủ thuế của Kirchler et al. (2008) (“mô hình độ dốc trơn trượt”) để lý giải mối quan hệ giữa quyền lực cơ quan thuế và niềm tin người nộp thuế, qua đó làm rõ nền tảng hoàn thiện QLT DNNVV tại Lào.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết kết hợp phương pháp định tính và định lượng. Dữ liệu thứ cấp được thu thập từ báo cáo thường niên, số liệu thống kê của Cục Thuế tỉnh Luangprabang giai đoạn 2020-2024. Dữ liệu sơ cấp thu được qua khảo sát bằng bảng hỏi (tháng 3-9/2024) với 150 phiếu hợp lệ, gồm 30 cán bộ thuế và 120 đại diện DNNVV. Mẫu được chọn theo phương pháp có chủ đích (đối với cán bộ thuế) và phân tầng ngẫu nhiên (đối với DNNVV), sử dụng thang đo Likert 5 mức.

Dữ liệu được xử lý bằng các phương pháp thống kê mô tả, so sánh và tổng hợp. Sự kết hợp giữa số liệu hành chính và khảo sát thực tế giúp đảm bảo tính khách quan, đa chiều, phản ánh trung thực thực trạng quản lý thuế đối với DNNVV tại tỉnh

* Học viện Kinh tế - Tài chính phân hiệu Miền Bắc, tỉnh Luangphabang, Lào (NCS tại Học viện Tài chính)

Luangprabang, đồng thời làm cơ sở khoa học cho việc đề xuất các giải pháp hoàn thiện.

3. Thực trạng quản lý thuế đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa tại tỉnh Luangprabang

Để có cái nhìn toàn diện, bảng số liệu tổng hợp sau đây phản ánh các chỉ tiêu chủ chốt trong công tác QLT đối với DNNVV tại tỉnh Luangprabang giai đoạn 2020-2024.

Bảng 1: Các chỉ tiêu tổng hợp về quản lý thuế đối với DNNVV tỉnh Luangprabang (2020-2024)

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm				
		2020	2021	2022	2023	2024
1. Quy mô đối tượng						
Tổng số DNNVV được cấp MST	DN	2.157	2.346	2.393	2.631	2.801
2. Tuân thủ kê khai						
Tỷ lệ nộp Hồ sơ khai thuế (HSKT)	%	85,9	87,3	90,1	90,9	93,3
Tỷ lệ nộp HSKT đúng hạn	%	91,8	92,7	92,2	92,8	93,6
Số DNNVV chưa nộp HSKT	DN	303	303	303	300	260
3. Kết quả thu ngân sách						
Tổng thu NSNN từ DNNVV	Triệu Kip	74.197	76.540	78.102	90.055	95.155
Thuế GTGT	Triệu Kip	38.241	39.449	40.254	44.375	50.354
Thuế TNDN	Triệu Kip	8.126	8.383	8.554	10.214	15.057
4. Cơ cấu DNNVV (năm 2024)						
Công ty TNHH	%	-	-	-	-	63,9
Công ty Cổ phần	%	-	-	-	-	21,2
Doanh nghiệp Tư nhân	%	-	-	-	-	14,8
5. Tỷ lệ tuân thủ theo loại hình (năm 2024)						
Công ty Cổ phần	%	-	-	-	-	94,6
Công ty TNHH	%	-	-	-	-	95,3
Doanh nghiệp Tư nhân	%	-	-	-	-	69,1

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu nội bộ Cục Thuế tỉnh Luangprabang

3. Kết quả, hạn chế và nguyên nhân

3.1. Kết quả đạt được

(1) Mở rộng quy mô và quản lý đối tượng nộp thuế. Công tác đăng ký và cấp mã số thuế (MST) cho DNNVV tại tỉnh Luangprabang đạt nhiều tiến bộ. Số doanh nghiệp được cấp MST tăng đều giai đoạn 2020-2024, phản ánh nỗ lực mở rộng diện quản lý và sự phát triển năng động của khu vực tư nhân. Cơ cấu doanh nghiệp năm 2024 cho thấy loại hình công ty TNHH chiếm ưu thế (63,9%), phù hợp với xu hướng lựa chọn mô hình linh hoạt và rủi ro thấp.

(2) Cải thiện rõ rệt mức độ tuân thủ thuế. Tỷ lệ nộp hồ sơ khai thuế tăng từ 85,9% năm 2020 lên 93,3% năm 2024, trong đó nộp đúng hạn luôn trên 92%. Kết quả này phản ánh sự chuyển biến tích cực trong ý thức tuân thủ và hiệu quả của hoạt động tuyên truyền, hỗ trợ, cũng như sự đôn đốc quyết liệt của cơ quan thuế. Ứng dụng công nghệ thông tin bước đầu giúp kiểm soát tốt hơn tình trạng nộp chậm, nộp thiếu.

(3) Thu ngân sách tăng trưởng ổn định. Dù chịu tác động của COVID-19 và biến động kinh tế, tổng thu ngân sách từ khu vực DNNVV vẫn tăng từ 74.197 triệu Kip năm 2020 lên 95.155 triệu Kip năm 2024. Các sắc thuế chủ lực như GTGT và TNDN đều tăng khá; trong đó thuế TNDN gần gấp đôi so với năm 2020. Kết quả này cho thấy nỗ lực quản lý thuế hiệu quả hơn, đồng thời phản ánh đà phục hồi của khu vực DNNVV.

3.2. Hạn chế và tồn tại

(1) Một bộ phận doanh nghiệp chưa tuân thủ. Dù tỷ lệ kê khai cao, vẫn có 260 doanh nghiệp (8,9%) không nộp hồ sơ năm 2024. Nhóm doanh nghiệp tư nhân có mức tuân thủ thấp nhất, chỉ đạt 69,1%, phản ánh rủi ro thất thu và sự tồn tại của khu vực kinh tế phi chính thức.

(2) Chất lượng kê khai và mức độ số hóa còn thấp. Kê khai sai sót, đặc biệt với thuế TNDN, vẫn phổ biến. Việc kê khai điện tử còn hạn chế, nhất là ở doanh nghiệp nhỏ do năng lực công nghệ và hạ tầng kỹ thuật yếu, khiến hiệu quả quản lý chưa tương xứng với tiềm năng của hệ thống điện tử.

(3) Quản lý đối tượng còn bị động, dữ liệu chưa đầy đủ. Tồn tại hiện tượng doanh nghiệp đăng ký nhưng không hoạt động hoặc hoạt động không đúng địa chỉ, gây sai lệch thống kê và khó khăn trong thanh tra, giám sát. Điều này cho thấy công tác cập nhật, đối soát thông tin giữa các cơ quan chức năng còn yếu.

(4) Thanh tra, kiểm tra chưa dựa trên quản lý rủi ro. Việc lựa chọn đối tượng thanh tra còn mang tính hành chính, dàn trải, thiếu trọng tâm vào nhóm rủi ro cao như doanh nghiệp tư nhân hoặc lĩnh vực thương mại - dịch vụ. Do đó, hiệu quả phát hiện vi phạm và ngăn ngừa thất thu còn hạn chế.

3.3. Nguyên nhân của những hạn chế

(1) Nguyên nhân khách quan. Phần lớn DNNVV quy mô nhỏ, năng lực tài chính và quản trị yếu, khả năng thực hiện chế độ kế toán - hóa đơn còn hạn chế. Tỷ lệ giao dịch tiền mặt cao gây khó khăn cho việc kiểm soát doanh thu thực tế. Bên cạnh đó, áp lực tăng thu ngân sách có lúc khiến cơ quan thuế thiên về mục tiêu ngắn hạn, ảnh hưởng đến chính sách hỗ trợ doanh nghiệp.

(2) Nguyên nhân chủ quan từ phía cơ quan thuế. Hệ thống công nghệ thông tin chưa đồng bộ, thiếu công cụ phân tích và đánh giá rủi ro. Quy trình nghiệp vụ còn phức tạp, chưa tối ưu hóa cho DNNVV. Đội ngũ cán bộ thuế chưa được đào tạo

thường xuyên, kỹ năng quản lý hiện đại còn hạn chế. Cơ chế phối hợp giữa cơ quan thuế với cơ quan đăng ký kinh doanh và ngân hàng còn yếu, chia sẻ dữ liệu chưa kịp thời.

3.4. Kết quả khảo sát

Để có cái nhìn đa chiều và định lượng về các vấn đề trong quản lý thuế, kết quả khảo sát từ 30 cán bộ thuế và 120 đại diện DNNVV được tổng hợp và phân tích. Thang đo Likert 5 mức độ (1: Rất không hài lòng/Rất kém - 5: Rất hài lòng/Rất tốt) được sử dụng để đánh giá các tiêu chí. Kết quả chi tiết được trình bày tại Bảng 2.

Bảng 2: Kết quả đánh giá từ khảo sát ý kiến cán bộ thuế và DNNVV

STT	Tiêu chí đánh giá	Nhóm đối tượng	Điểm TB	Mức độ hài lòng (%) (4+5)	Mức độ không hài lòng (%) (1+2)
1	Mức độ thuận tiện của thủ tục hành chính thuế	Cán bộ thuế	3,8	70,0%	10,0%
		DNNVV	2,9	35,8%	38,3%
2	Chất lượng dịch vụ hỗ trợ người nộp thuế	Cán bộ thuế	3,9	73,3%	6,7%
		DNNVV	3,1	41,7%	25,0%
3	Tính minh bạch, rõ ràng của thông tin, chính sách thuế	Cán bộ thuế	3,7	66,7%	13,3%
		DNNVV	3,3	50,0%	20,0%
4	Mức độ thuận tiện của hình thức kê khai điện tử	Cán bộ thuế	3,5	60,0%	16,7%
		DNNVV	2,7	25,0%	45,0%
5	Nhận thức về tính công bằng trong thanh tra, kiểm tra	Cán bộ thuế	4,0	83,3%	3,3%
		DNNVV	3,0	33,3%	30,0%
6	Đánh giá về năng lực chuyên môn của cán bộ thuế	DNNVV	3,6	59,2%	15,0%
7	Đánh giá về ý thức tuân thủ của DNNVV	Cán bộ thuế	3,2	43,3%	23,3%

Nguồn: Tổng hợp từ kết quả xử lý số liệu khảo sát, 2024

Phân tích kết quả từ Bảng 2 cho thấy một số điểm đáng chú ý:

Khoảng cách nhận thức đáng kể giữa cơ quan quản lý và người nộp thuế: Tồn tại sự chênh lệch rõ rệt trong đánh giá giữa hai nhóm. Trong khi cán bộ thuế đánh giá tương đối tích cực về các tiêu chí (điểm trung bình từ 3,5 đến 4,0), thì DNNVV lại có đánh giá thấp hơn hẳn (điểm trung bình từ 2,7 đến 3,6). Sự khác biệt này thể hiện rõ nhất ở các tiêu chí: “Mức độ thuận tiện của thủ tục hành chính thuế” (chênh 0,9 điểm) và “Tính công bằng trong thanh tra, kiểm tra” (chênh 1,0 điểm). Điều này cho thấy các quy trình và chính sách dù đã được cải thiện từ góc độ quản lý, vẫn được cảm nhận là chưa đủ thân thiện và công bằng từ phía doanh nghiệp.

Kê khai điện tử là điểm nghẽn chính: Tiêu chí «Mức độ thuận tiện của hình thức kê khai điện tử» nhận được điểm đánh giá thấp nhất từ phía DNNVV (2,7 điểm), với tỷ lệ không hài lòng lên

tới 45,0%. Kết quả này cung cấp bằng chứng thực nghiệm cho nhận định trong phần 3.2 về việc “chất lượng kê khai và mức độ số hóa thực chất còn thấp”, đồng thời nhấn mạnh sự cần thiết của nhóm giải pháp số hóa toàn diện được đề xuất.

Nhu cầu hỗ trợ và nâng cao năng lực: Mặc dù DNNVV đánh giá năng lực chuyên môn của cán bộ thuế ở mức khá (3,6 điểm), nhưng chất lượng dịch vụ hỗ trợ lại chỉ được chấm 3,1 điểm. Kết hợp với việc cán bộ thuế đánh giá ý thức tuân thủ của DNNVV ở mức trung bình (3,2 điểm), cho thấy một vòng luẩn quẩn: doanh nghiệp cần hỗ trợ tốt hơn để tuân thủ và cán bộ cần các kỹ năng hỗ trợ hiệu quả hơn. Phát hiện này củng cố cơ sở cho các giải pháp về đào tạo cán bộ và tăng cường hỗ trợ người nộp thuế.

Góc nhìn đa chiều về tính công bằng: Việc cán bộ thuế đánh giá rất cao tính công bằng (4,0 điểm) trong khi DNNVV chỉ đánh giá ở mức trung bình (3,0 điểm) cho thấy sự thiếu hụt trong truyền thông và giải thích về quy trình lựa chọn đối tượng thanh tra, kiểm tra.

4. Giải pháp hoàn thiện QLT đối với DNNVV và vừa tại tỉnh Luangprabang

Trên cơ sở phân tích thực trạng, bài viết đề xuất hệ thống giải pháp đồng bộ sau:

4.1. Nhóm giải pháp về số hóa toàn diện và đơn giản hóa thủ tục hành chính thuế

Đẩy mạnh ứng dụng hệ thống kê khai, nộp thuế điện tử: Hoàn thiện cổng thông tin điện tử và phát triển ứng dụng di động thân thiện, dễ sử dụng. Tổ chức các lớp tập huấn, hướng dẫn trực tiếp cho chủ DNNVV, đặc biệt là tại các huyện vùng sâu, vùng xa. Có chính sách hỗ trợ ban đầu (ví dụ: hỗ trợ một phần chi phí internet) để khuyến khích tối đa việc sử dụng dịch vụ.

Xây dựng cơ sở dữ liệu tập trung về DNNVV: Phát triển một cơ sở dữ liệu thống nhất, tích hợp thông tin từ các nguồn: đăng ký kinh doanh, kê khai thuế, ngân hàng, hải quan. Cơ sở dữ liệu này là nền tảng để thực hiện phân tích rủi ro, đối chiếu, so sánh thông tin tự động.

Đơn giản hóa thủ tục hành chính thuế: Rà soát toàn bộ các thủ tục liên quan đến DNNVV để cắt giảm các giấy tờ, quy trình không cần thiết. Nghiên cứu áp dụng cơ chế khoán thuế đơn giản đối với một số loại hình DNNVV có quy mô rất nhỏ, đặc thù (như hộ kinh doanh làng nghề) để giảm gánh nặng kế toán.

4.2. Nhóm giải pháp về hoàn thiện tổ chức bộ máy và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực ngành thuế

Củng cố bộ phận chuyên trách quản lý DNNVV: Kiện toàn và nâng cao năng lực cho bộ phận quản lý DNNVV, hộ kinh doanh, cá nhân và thu khác. Thành lập các tổ, đội chuyên sâu am hiểu đặc thù của từng nhóm ngành nghề trọng điểm (du lịch, thủ công mỹ nghệ).

Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cán bộ: Xây dựng kế hoạch đào tạo thường xuyên cho cán bộ thuế, tập trung vào kỹ năng phân tích dữ liệu, đánh giá rủi ro, kỹ năng giao tiếp và hỗ trợ NNT. Khuyến khích cán bộ tham gia các khóa đào tạo về kế toán, thuế chuyên sâu.

4.3. Nhóm giải pháp về nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra và quản lý nợ thuế dựa trên phân tích rủi ro

Xây dựng và áp dụng bộ tiêu chí đánh giá rủi ro: Phát triển một bộ tiêu chí khoa học để xếp hạng rủi ro tuân thủ của DNNVV, dựa trên các chỉ số như: lịch sử nộp chậm HSKT, biến động doanh thu bất thường, thông tin từ ngân hàng...

Tập trung nguồn lực thanh tra, kiểm tra vào đối tượng rủi ro cao: Công tác thanh tra, kiểm tra tập trung vào nhóm DNNVV được xếp hạng rủi ro cao, giảm tối đa việc kiểm tra dân trải gây phiền hà cho doanh nghiệp tuân thủ tốt.

Quản lý nợ thuế chủ động và linh hoạt: Thực hiện đơn đốc nợ thuế từ sớm thông qua hệ thống tin nhắn tự động, email và điện thoại. Áp dụng các biện pháp hỗ trợ như cho nộp dần tiền thuế nợ đối với doanh nghiệp gặp khó khăn tạm thời nhưng có thiện chí và chỉ áp dụng cưỡng chế khi thực sự cần thiết.

4.4. Nhóm giải pháp về tăng cường công tác tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế và phát triển dịch vụ tư vấn thuế

Đa dạng hóa hình thức và nội dung tuyên truyền: Sử dụng linh hoạt các kênh truyền thanh, truyền hình địa phương, trang web, mạng xã hội, tổ chức các hội nghị đối thoại, tập huấn trực tiếp... Nội dung tuyên truyền phải ngắn gọn, dễ hiểu, sử dụng ngôn ngữ đơn giản và hình ảnh minh họa.

Thiết lập kênh hỗ trợ NNT hiệu quả: Thiết lập tổng đài tư vấn thuế chuyên biệt cho DNNVV. Phát triển hệ thống hỏi đáp tự động (Chatbot) trên website và ứng dụng di động để giải đáp thắc mắc 24/7.

Khuyến khích phát triển dịch vụ tư vấn thuế:

Tạo điều kiện để các tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện cung cấp dịch vụ tư vấn thuế chuyên nghiệp, hỗ trợ các DNNVV trong việc thực hiện nghĩa vụ thuế, đặc biệt là các doanh nghiệp mới thành lập.

5. Kiến nghị

Để các giải pháp trên được triển khai hiệu quả, cần có sự hỗ trợ từ các cấp có thẩm quyền:

Đối với Chính phủ Lào: Tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý về QLT và chính sách thuế đối với DNNVV theo hướng đơn giản, minh bạch, ổn định và hỗ trợ. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng Chính phủ điện tử và cơ sở dữ liệu quốc gia, tạo điều kiện cho việc chia sẻ thông tin liên ngành.

Đối với Bộ Tài chính và Tổng cục Thuế Lào:

Ban hành các hướng dẫn cụ thể về quy trình QLT dựa trên rủi ro đối với DNNVV. Hỗ trợ kỹ thuật và ngân sách cho các địa phương trong việc đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin và đào tạo nguồn nhân lực.

Đối với Ủy ban Nhân dân tỉnh Luangprabang:

Có cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa các sở, ban, ngành (đặc biệt là Sở Kế hoạch & Đầu tư, Sở Công Thương) và ngành Thuế trong việc quản lý DNNVV. Chỉ đạo và tạo điều kiện thuận lợi để Cục Thuế tỉnh thực hiện các giải pháp cải cách.

6. Kết luận

Việc hoàn thiện QLT đối với DNNVV tại tỉnh Luangprabang là một yêu cầu cấp thiết. Hệ thống giải pháp được đề xuất trong bài viết mang tính đồng bộ, kết hợp giữa hiện đại hóa công nghệ, hoàn thiện thể chế, nâng cao năng lực đội ngũ và đổi mới phương pháp quản lý, với triết lý lấy hỗ trợ NNT làm trung tâm. Việc triển khai thành công các giải pháp này không chỉ góp phần tăng cường nguồn thu ngân sách bền vững mà còn thúc đẩy môi trường kinh doanh lành mạnh, hỗ trợ sự phát triển vững chắc của cộng đồng DNNVV - xương sống của nền kinh tế tỉnh Luangprabang.

Tài liệu tham khảo:

- Cục thuế Louangprabang (2020 - 2024). Báo cáo hoạt động quản lý thuế thường niên, Louangprabang, Lào.
- Lê Xuân Trường. (2020). Giáo trình Quản lý Thuế. NXB Tài chính.
- Luật Quản lý Thuế số 35/2020/QH9 của nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.
- OECD. (2021). Tax Administration 2021: Comparative Information on OECD and other Advanced and Emerging Economies. OECD Publishing.